

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2020

“V/v: Không công nhận là vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Lâm .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Hải và ông Trần Lộc.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hồ Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “*Không công nhận là vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2020.

Nguyên đơn: Ông Hồ Trường Th, sinh năm 1967.

Trú tại: Xóm Đ, xã K, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1970.

Trú tại: Xóm P, xã K, huyện D, tỉnh Nghệ An.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện ngày 15/9/2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Hồ Trường Th trình bày: Ông và bà Bùi Thị T chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Khi chung sống với nhau được 7 năm, vì không thể có con nên vợ chồng cũng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 1996, ông và bà T đã sống ly thân mỗi người một nơi, không đi lại gì với nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Từ năm 2000 cho đến nay, ông và bà Thành cũng chưa đến chính quyền địa phương để đăng ký kết hôn. Nay xét thấy tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Bùi Thị T là vợ chồng.

- Bị đơn bà Bùi Thị T trình bày: Bà và ông Th chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Bà và ông Th sống với nhau được 7 năm do không thể có con nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến năm 1996, bà và ông Th đã sống ly thân,

không qua lại gì với nhau từ thời điểm đó cho đến nay. Từ năm 2000 cho đến nay, bà và ông Th cũng chưa đến chính quyền địa phương để đăng ký kết hôn trong thời gian gia hạn kết hôn. Nay xét thấy tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án không công nhận ông Hồ Trường Th và bà Bùi Thị T là vợ chồng.

- Về con chung: Ông Th và bà Th đều xác nhận trong quá trình chung sống không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông Th và bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ: Ông Th và bà T đều xác nhận không nợ cá nhân, tập thể nào và cũng không ai nợ ông bà. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án không công nhận ông Hồ Trường Th và bà Bùi Thị Th là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Th, bà T không có con chung nên nên không xét.

Về tài sản chung: Cả hai đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Ông Hồ Trường Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa ông Hồ Trường Th và bà Bùi Thị T thuộc khoản 8, Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện D; Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự

[2] Về quan hệ tình cảm: Việc ông Hồ Trường Th và bà Bùi Thị T đều xác nhận chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện thời gian từ năm 1989, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới, được mọi người công nhận, sau tổ chức lễ cưới họ thực sự đã chung sống và cùng nhau xây dựng gia đình tại xã K, huyện D nh-ng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống ông Th, bà T không thể có con với nhau nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 1996, ông Th và bà T đã sống ly thân, không đi lại với nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên

đơn và bị đơn thống nhất yêu cầu Tòa án huyện D không công nhận vợ chồng giữa ông Hồ Trường Th và bà Bùi Thị T.

[3] Theo quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 và 2 mục thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 2 năm kể từ ngày luật hôn nhân gia đình 2000 có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2003. Ông Th và bà T đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 cho đến nay nhưng vẫn không đăng ký kết hôn. Nay ông Th có đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào khoản 1, Điều 9, khoản 1, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 không công nhận ông Hồ Trường Th và bà Bùi Thị T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống ông Th, bà T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Cả hai đương sự đều không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Ông Hồ Trường Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10; Căn cứ khoản 8, Điều 28, khoản 1 điều 35; khoản 1, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 1, Điều 9, khoản 1, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016

- Căn cứ Điều 144, khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không công nhận ông Hồ Trường Th và bà Bùi Thị T là vợ chồng.

-Về án phí: Ông Hồ Trường Th phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông Thi đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D theo biên lai số 0004322 ngày 16 /10/2020. Ông Th đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự D;
- UBND xã K, H Diễn Châu, NA
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Lâm

